

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M – TP. HÀ NỘI**

Bản án số:229/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25-9-2020

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con
chung

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Sơn.

2. Ông Nguyễn Đại Đồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Vinh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nhâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị *Nguyễn Thị H*, sinh năm 1976.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn P, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh *Lê Văn B*, sinh năm 1975 (Tên gọi khác: Lê Văn B1).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn P, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn B tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Hòa Bình (nay là xã C, huyện L, tỉnh Hòa Bình) vào ngày 30/7/1996. Vợ chồng chung với nhau hạnh phúc đến năm 2000 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng

về quan điểm lối sống, không tìm được tiếng nói chung, anh B mãi chơi cờ bạc không quan tâm đến vợ con, thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình. Thực tế vợ chồng đã ly thân từ năm 2010 đến nay, chị đã dẫn các con chung về nhà mẹ đẻ ở tại thôn Quèn Thị, xã C, huyện L, tỉnh Hòa Bình và không còn quan tâm đến nhau nữa.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H đề nghị xin ly hôn với anh B.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 03 con chung là cháu Lê Thị T, sinh ngày 16/02/1997; cháu Lê Thị P, sinh ngày 03/10/1998 và cháu Lê Thanh O, sinh ngày 14/6/2005. Hiện 02 con chung là Lê Thị T và Lê Thị P đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn đối với cháu Lê Thanh O từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu O ở với mẹ là Nguyễn Thị H. Nay ly hôn, chị H đề nghị được nuôi con chung là cháu Lê Thanh O và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn là anh Lê Văn B: Hiện có hộ khẩu và đang cư trú tại thôn P, xã H, huyện M. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Trong các lời khai của anh B tại Tòa án có trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh B xác nhận thời điểm đăng ký kết hôn vào ngày 30/7/1996 tại UBND xã C, huyện K, tỉnh Hòa Bình (nay là xã C, huyện L, tỉnh Hòa Bình). Do quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2010 và sống ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn anh B cho rằng trong lúc vợ chồng xảy ra mâu thuẫn anh B có đánh chị H. Nay chị H xin ly hôn, anh B xin đoàn tụ và không đồng ý ly hôn vì nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn.

- *Về con chung:* Anh B xác nhận có 03 con chung là cháu Lê Thị T, sinh ngày 16/02/1997; cháu Lê Thị P, sinh ngày 03/10/1998 và cháu Lê Thanh O, sinh ngày 14/6/2005. Hiện 02 con chung là Lê Thị T và Lê Thị P đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn đối với cháu Lê Thanh O nếu ly hôn, anh B đề nghị được nuôi con chung là cháu Lê Thanh O và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Anh B xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do sức khỏe không tốt, thường xuyên đi khám bệnh, điều trị nên anh không có thời gian về Tòa án để làm việc nên đề nghị Tòa án căn cứ đơn đề nghị để giải quyết vụ án và xét xử vắng mặt anh tại các buổi làm việc và phiên tòa xét xử của Tòa án các cấp. Ngoài ra, anh không có ý kiến thắc mắc gì.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M phát biểu quan điểm:

Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn chị Nguyễn Thị H đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật có liên quan trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn anh Lê Văn B dù được triệu tập và giao các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng tại phiên tòa anh B vắng mặt, nên đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt bị đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy mâu thuẫn giữa các đương sự đã kéo dài, cuộc sống chung không tồn tại, hôn nhân không đạt được mục đích nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lê Văn B. Về con chung: Xét thấy con chung là cháu Lê Thanh O, sinh ngày 14/6/2005 đã đủ 07 tuổi, có nguyện vọng xin ở với mẹ là chị Nguyễn Thị H, từ khi vợ chồng ly thân cháu Hòa vẫn ở với mẹ nên đề nghị giao cháu Lê Thanh O cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và nợ chung: Không có và không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Lê Văn B có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại thôn P, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội đã nộp tạm ứng án phí là có căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, thành phố Hà Nội.

Anh Lê Văn B dù đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa anh B vắng mặt lần thứ hai. Anh B cũng đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn B tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Hòa Bình (nay là xã C, huyện L, tỉnh Hòa Bình) nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo trình bày của chị H, anh B cho thấy: Do anh B mãi chơi, không tu chí làm ăn, không quan tâm, chăm sóc vợ con và vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm lối sống, anh B có hành vi bạo lực gia đình nên cuộc sống của vợ chồng không có hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn. Thực tế từ năm 2010 đến

nay vợ chồng đã sống ly thân, chị H và các con chung đã về nhà bố mẹ đẻ chị H ở, không ai còn quan tâm đến ai.

Xét thấy các quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng trong quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh B bị vi phạm nghiêm trọng, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của chị H và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M là có căn cứ theo quy định tại Khoản 01 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về con chung*: Xét yêu cầu nuôi con chung Lê Thanh O, sinh ngày 14/6/2005 của chị H thì thấy: Hiện nay cháu Hòa đang ở cùng chị H, được chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định và phát triển bình thường, cháu Hòa có nguyện vọng được ở với mẹ là chị H. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần chấp nhận yêu cầu của chị H cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, theo đó giao cháu Hòa cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều xác nhận không có và đều không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Chương III Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lê Văn B.

2. *Về con chung*: Giao cháu Lê Thanh O, sinh ngày 14/6/2005 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị H không yêu cầu anh Lê Văn B cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa không xét.

4. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002896 ngày 19/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

5. *Quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã C (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Anh Tuấn